

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
(đã được soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-37
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10-37

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3656/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/10/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100114184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 09/02/2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch
Bà Nguyễn Hồng Anh	Ủy viên
Bà Trần Thị Lệ Châm	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Hội	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Hồng Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Hải Hà	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hà Hồng Thúy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Lệ Châm	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Phú Cường	Trưởng ban
Bà Đường Thị Hồng Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2022

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu được lập ngày 31 tháng 10 năm 2022, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 300322.027/BCTC.KT2 ngày 30 tháng 03 năm 2022 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu, kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về một số vấn đề. Các vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty, cụ thể như sau:

Công ty chưa phân loại khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả tại thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ. Nếu Công ty phân loại đúng quy định thì trên Bảng cân đối kế toán, tại ngày 01/01/2022 và 30/06/2022, chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn" sẽ tăng lên số tiền lần lượt là 20,3 tỷ đồng và 9,78 tỷ đồng, đồng thời chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" tại ngày 01/01/2022 và 30/06/2022 sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Công ty chưa ghi nhận đầy đủ chi phí khấu hao của tài sản cố định hữu hình là các tài sản trên lô đất số 15 Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội và dây chuyền bánh mềm đã ngừng sản xuất từ các năm trước. Điều này dẫn đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối các năm giảm đi tương ứng. Cụ thể như sau:

- Khấu hao ghi nhận thiếu của các tài sản trên lô đất số 15 Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội lũy kế đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 4,65 tỷ đồng (bao gồm: Khấu hao 06 tháng đầu năm 2022 là 0,11 tỷ đồng và khấu hao lũy kế của các năm tài chính trước lũy kế đến 31/12/2021 là 4,54 tỷ đồng).
- Khấu hao ghi nhận thiếu trong năm 2018 của dây chuyền bánh mềm là 3,32 tỷ đồng.

Nếu Công ty ghi nhận đúng theo chế độ kế toán hiện hành thì trên Bảng Cân đối kế toán, chỉ tiêu "Tài sản cố định hữu hình" - Mã số 221 tại ngày 01/01/2022 và 30/06/2022 giảm đi tương ứng 7,85 tỷ đồng và 7,96 tỷ đồng; trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2022, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" - Mã số 26 tăng lên 0,11 tỷ đồng và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm đi tương ứng 0,11 tỷ đồng.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ những vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định

Theo quy định tại Khoản 2, điều 275 của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán về tư cách thành viên Hội đồng quản trị, theo đó Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của Công ty đại chúng. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo soát xét này Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu vẫn chưa tuân thủ quy định trên.

Theo quy định tại điểm đ, khoản 1, điều 34, Luật Chứng khoán 2019, Công ty phải thực hiện đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán ra công chúng. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, Công ty vẫn chưa hoàn tất việc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom.

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		316.659.855.445	281.640.518.617
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	28.132.853.867	43.596.054.520
111	1. Tiền		28.132.853.867	43.596.054.520
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		154.336.043.848	123.745.139.272
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	70.041.766.281	77.510.145.594
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	52.216.143.741	22.359.175.299
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	32.078.133.826	23.875.818.379
140	IV. Hàng tồn kho	7	115.979.697.537	93.776.541.368
141	1. Hàng tồn kho		115.979.697.537	93.776.541.368
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		18.211.260.193	20.522.783.457
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	-	10.000.004
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		18.210.075.007	20.431.299.219
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.185.186	81.484.234
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		354.723.683.912	370.085.166.088
220	II. Tài sản cố định		319.271.581.934	332.711.576.769
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	304.257.175.298	317.126.837.383
222	- Nguyên giá		551.612.008.600	551.612.008.600
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(247.354.833.302)	(234.485.171.217)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	14.939.311.398	15.584.739.386
225	- Nguyên giá		19.362.838.916	19.362.838.916
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.423.527.518)	(3.778.099.530)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	75.095.238	-
228	- Nguyên giá		1.388.916.800	1.312.916.800
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.313.821.562)	(1.312.916.800)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	8	31.961.107.523	32.384.331.018
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		31.961.107.523	32.384.331.018
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.490.994.455	4.989.258.301
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	3.490.994.455	4.989.258.301
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		671.383.539.357	651.725.684.705

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022**(tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		454.782.168.295	430.928.650.599
310	I. Nợ ngắn hạn		311.030.886.493	279.013.377.105
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	108.941.703.342	97.862.312.443
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	19.392.063.820	963.953.470
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	4.079.270.977	6.488.181.238
314	4. Phải trả người lao động		6.312.660.066	11.405.066.567
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	8.539.681.086	17.635.415.547
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	18.821.631.421	2.524.713.263
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	142.626.352.296	140.103.996.945
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.317.523.485	2.029.737.632
330	II. Nợ dài hạn		143.751.281.802	151.915.273.494
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	143.751.281.802	151.915.273.494
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		216.601.371.062	220.797.034.106
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	216.601.371.062	220.797.034.106
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		122.295.340.000	122.295.340.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		122.295.340.000	122.295.340.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		25.863.334.000	25.863.334.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		3.448.146.918	3.448.146.918
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		60.101.936.123	60.101.936.123
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.892.614.021	9.088.277.065
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	9.088.277.065
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		4.892.614.021	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		671.383.539.357	651.725.684.705


Phạm Ngọc Quang
Người lập

Khúc Thị Minh Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	347.727.960.289	286.064.974.579
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	273.537.683	1.276.651.091
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		347.454.422.606	284.788.323.488
11	4. Giá vốn hàng bán	23	304.765.829.363	232.332.639.163
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		42.688.593.243	52.455.684.325
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	12.967.551	19.284.721
22	7. Chi phí tài chính	25	7.728.848.521	9.004.024.851
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		7.367.784.822	8.636.829.061
25	8. Chi phí bán hàng	26	17.146.820.363	24.724.539.832
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	11.940.295.240	13.054.929.298
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.885.596.670	5.691.475.065
31	11. Thu nhập khác	28	262.013.171	294.627.175
32	12. Chi phí khác	29	31.845.749	160.592.376
40	13. Lợi nhuận khác		230.167.422	134.034.799
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.115.764.092	5.825.509.864
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	1.223.150.071	1.165.101.973
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.892.614.021	4.660.407.891
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	400	381

Phạm Ngọc Quang
Người lậpKhúc Thị Minh Phương
Kế toán trưởngNguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		380.064.282.410	364.579.808.769
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(353.650.353.623)	(288.452.204.754)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(30.066.227.545)	(28.498.956.590)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(8.048.380.595)	(8.885.137.931)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.508.970.772)	(918.582.856)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		7.002.220.000	20.651.007
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.299.158.919)	(3.428.380.424)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(9.506.589.044)	34.417.197.221
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(76.000.000)	(2.361.194.793)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		12.967.551	19.284.721
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(63.032.449)	(2.341.910.072)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		178.920.736.560	190.029.238.552
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(181.972.720.824)	(218.024.444.569)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(2.589.652.077)	(2.497.043.457)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(251.942.819)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.893.579.160)	(30.492.249.474)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(15.463.200.653)	1.583.037.675
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		43.596.054.520	39.438.864.841
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	28.132.853.867	41.021.902.516


Phạm Ngọc Quang
Người lập

Khúc Thị Minh Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3656/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/10/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100114184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 09/02/2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 122.295.340.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 122.295.340.000 đồng; tương đương 12.229.534 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là: 319 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là: 454 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất bánh kẹo, sô cô la, gia vị, mì ăn liền và chế biến các loại thực phẩm khác;
- Kinh doanh các loại nguyên vật liệu phục vụ sản xuất của Công ty;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong 6 tháng đầu năm 2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tăng cao so với cùng kỳ năm trước do hoạt động của nhà máy Nghệ An đã đi vào ổn định. Đồng thời, tình hình dịch bệnh cơ bản được kiểm soát nên sản lượng tiêu thụ sản phẩm của Công ty được gia tăng hơn trước dẫn tới doanh thu của Công ty 6 tháng đầu năm 2022 tăng 21,6% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, do chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng cao trong 6 tháng đầu năm 2022, dẫn tới lợi nhuận gộp của Công ty giảm 18,6% so với cùng kỳ năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Nhà máy Bánh kẹo Hải Châu I

Nhà máy Bánh kẹo Hải Châu II

Địa chỉ

Hưng Yên

Nghệ An

Hoạt động kinh doanh chính

Sản xuất thực phẩm

Sản xuất thực phẩm

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn,

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	10 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, Công ty được nhận khoản lợi nhuận cố định hàng năm, không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng và ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản từ BCC đối với khoản được chia khi có thông báo từ BCC.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 đến 36 tháng.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản của Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 24 đến 36 tháng.

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 24 đến 36 tháng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Công ty.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm doanh thu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là hàng bán bị trả lại.

Hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm;
- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	8.058.144.276	6.883.062.699
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.074.709.591	36.712.991.821
	28.132.853.867	43.596.054.520

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư - TCT Mía đường I	4.342.986.743	-	4.389.161.787	-
- Công ty CP mía đường Sơn Dương	21.934.946.568	-	6.555.346.437	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Anh	5.201.116.480	-	6.271.313.179	-
- Đại lý Hoàng Thị Hiền	2.303.849.741	-	5.350.632.151	-
- Công ty CP Bia Rượu Nước giải khát Viger	4.703.008.000	-	2.648.925.733	-
- Chi nhánh Hà Nội- Công ty CP Dịch Vụ Thương Mại Tổng Hợp Wincommerce	2.535.588.801	-	2.136.011.345	-
- Phải thu khách hàng khác	29.020.269.948	-	50.158.754.962	-
	70.041.766.281	-	77.510.145.594	-
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan	31.719.955.358	-	14.014.216.146	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

5 . TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Trả trước ngắn hạn cho người bán chi tiết cho người bán có số dư lớn				
- Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	26.154.697.567	-	11.997.503.370	-
- Công ty CP mía đường Sơn Dương	-	-	2.000.000.000	-
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư - TCT Mía đường I	19.097.294.680	-	4.891.652.620	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	6.964.151.494	-	3.470.019.309	-
	52.216.143.741	-	22.359.175.299	-
b) Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
	47.251.992.247	-	18.889.155.990	-
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)</i>				

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	28.507.358.575	-	19.527.913.401	-
Ký cược, ký quỹ	3.153.876.000	-	3.153.876.000	-
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	399.760.042	-	1.194.028.978	-
Phải thu khác	17.139.209	-	-	-
	32.078.133.826	-	23.875.818.379	-

7 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	75.634.848.021	-	70.801.063.759	-
Công cụ, dụng cụ	3.009.669.274	-	2.667.259.025	-
Thành phẩm	36.737.036.693	-	19.847.174.979	-
Hàng hoá	598.143.549	-	461.043.605	-
	115.979.697.537	-	93.776.541.368	-

8 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Mua sắm máy móc thiết bị tại nhà máy Hưng Yên	148.771.996	148.771.996
- Công trình dự án Nhà văn phòng 15 Mạc Thị Bưởi (1)	17.216.924.727	17.216.924.727
- Công trình dự án Nhà văn phòng ngõ 622 Minh Khai (2)	14.523.800.801	14.523.800.801
- Dự án nhà máy tại Vĩnh Long	71.609.999	494.833.494
	31.961.107.523	32.384.331.018

Thông tin chi tiết về một số dự án của Công ty:

(1) Công trình dự án Nhà văn phòng 15 Mạc Thị Bưởi:

Công ty thực hiện ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CP Tập đoàn Picensa Việt Nam (Picensa) phục vụ công việc triển khai dự án Văn phòng thương mại, công trình hỗn hợp, nhà ở cao tầng và thấp tầng trên khu đất có diện tích khoảng 18.000 m² tại địa chỉ số 15 và 17 Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Theo đó, Công ty trao quyền cho Picensa toàn quyền thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ đầu tư dự án theo quy định của pháp luật. Picensa tổ chức thực hiện, quản lý, hạch toán toàn bộ nguồn thu, nguồn chi, chi phí phát sinh liên quan đến dự án và chịu trách nhiệm về mọi rủi ro hoặc hiệu quả kinh tế của dự án; Picensa được quyền sở hữu, định đoạt các sản phẩm hình thành từ dự án, Công ty đồng ý chấp thuận chỉ nhận và hưởng lợi ích cố định từ dự án là 100 tỷ đồng. Chi phí ghi nhận đến thời điểm 30/06/2022 của dự án này bao gồm chi phí khảo sát thiết kế và chi phí thanh lý hợp đồng hợp tác với đối tác cũ.

(2) Công trình dự án nhà văn phòng ngõ 622 Minh Khai

Chi phí tập hợp liên quan đến dự án này bao gồm chi phí xây dựng 12.345.264.716 đồng và các chi phí tư vấn thiết kế. Hiện nay dự án đang tạm dừng triển khai và dự kiến tiếp tục triển khai sau khi thực hiện dự án nhà văn phòng 15 Mạc Thị Bưởi.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	218.022.363.373	317.313.574.642	15.051.840.231	1.224.230.354	551.612.008.600
Số dư cuối kỳ	218.022.363.373	317.313.574.642	15.051.840.231	1.224.230.354	551.612.008.600
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	71.586.519.610	151.560.068.330	10.145.972.119	1.192.611.158	234.485.171.217
- Khấu hao trong kỳ	4.287.551.417	8.088.667.238	459.787.450	33.655.980	12.869.662.085
- Phân loại lại	24.842.487	(4.805.703)	-	(20.036.784)	-
Số dư cuối kỳ	75.898.913.514	159.643.929.865	10.605.759.569	1.206.230.354	247.354.833.302
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	146.435.843.763	165.753.506.312	4.905.868.112	31.619.196	317.126.837.383
Tại ngày cuối kỳ	142.123.449.859	157.669.644.777	4.446.080.662	18.000.000	304.257.175.298

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 98.563.034.386 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 136.697.396.588 đồng.

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Toàn bộ tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là máy móc, thiết bị sản xuất bánh kẹo tại nhà máy Hưng Yên với nguyên giá và hao mòn lũy kế tại thời điểm 30/06/2022 lần lượt là 19.362.838.916 đồng và 4.423.527.518 đồng. Khấu hao trong kỳ là 645.427.956 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.071.266.800	241.650.000	1.312.916.800
- Mua trong kỳ	-	76.000.000	76.000.000
Số dư cuối kỳ	1.071.266.800	317.650.000	1.388.916.800
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.071.266.800	241.650.000	1.312.916.800
- Khấu hao trong kỳ	-	904.762	904.762
Số dư cuối kỳ	1.071.266.800	242.554.762	1.313.821.562
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	75.095.238	75.095.238

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.312.916.800 đồng.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	10.000.004
	-	10.000.004
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn, cải tạo tài sản cố định	136.232.123	216.693.377
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.354.762.332	4.772.564.924
	3.490.994.455	4.989.258.301

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	31.043.378.918	31.043.378.918	4.550.929.232	4.550.929.232
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	6.975.187.620	6.975.187.620	15.803.540.635	15.803.540.635
- Công ty TNHH Văn Chương	4.327.988.081	4.327.988.081	8.833.053.206	8.833.053.206
- Công ty TNHH Hồng Dương	10.448.360.650	10.448.360.650	13.280.307.150	13.280.307.150
- Công ty TNHH Phát Đại Lợi	21.149.936.000	21.149.936.000	10.477.980.000	10.477.980.000
- Phải trả các đối tượng khác	34.996.852.073	34.996.852.073	44.916.502.220	44.916.502.220
	108.941.703.342	108.941.703.342	97.862.312.443	97.862.312.443

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

30/06/2022		01/01/2022	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
VND	VND	VND	VND
47.172.773.062	47.172.773.062	20.344.109.647	20.344.109.647

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty Sản xuất thương mại Hải Hà	7.603.750.000	-
Công ty TNHH Đức Lộc	10.354.750.000	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	1.433.563.820	963.953.470
	19.392.063.820	963.953.470

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	1.472.382.448	2.152.978.221
- Chi phí hỗ trợ nhà phân phối, đại lý	5.807.365.467	13.855.347.459
- Chi phí vận chuyển	313.456.904	1.487.089.867
- Chi phí phải trả khác	946.476.267	140.000.000
	8.539.681.086	17.635.415.547

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	604.908.888	434.372.424
- Bảo hiểm xã hội	377.203.974	-
- Bảo hiểm y tế	68.330.113	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	17.592.235	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	20.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.772.063.303	266.642.910
- Các khoản đặt cọc, thế chấp và ký quỹ	131.000.000	643.830.014
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	7.000.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.830.532.908	1.159.867.915
	18.821.631.421	2.524.713.263
b) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan	7.000.000.000	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	81.484.234	3.529.857.822	7.245.751.723	8.218.881.449	1.185.186	2.476.429.048
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	6.479.709	6.479.709	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.508.970.772	1.223.150.071	2.508.970.772	-	1.223.150.071
Thuế Thu nhập cá nhân	-	449.352.644	317.212.961	386.873.747	-	379.691.858
Thuế Tài nguyên	-	-	365.850	365.850	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	2.217.244.530	2.217.244.530	-	-
Các loại thuế khác	-	-	2.000.000	2.000.000	-	-
	81.484.234	6.488.181.238	11.012.204.844	13.340.816.057	1.185.186	4.079.270.977

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2022		Trong kỳ		30/06/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn Ngân hàng	140.103.996.945	140.103.996.945	176.335.736.560	173.813.381.209	142.626.352.296	142.626.352.296
	140.103.996.945	140.103.996.945	176.335.736.560	173.813.381.209	142.626.352.296	142.626.352.296
b) Vay dài hạn						
- Vay Ngân hàng	65.011.322.809	65.011.322.809	-	8.159.339.615	56.851.983.194	56.851.983.194
- Công ty Cổ phần Picensa Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
- Tổng Công ty mía đường I - CTCP	17.953.784.000	17.953.784.000	-	-	17.953.784.000	17.953.784.000
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư Tổng Công Ty Mía Đường I	23.872.012.830	23.872.012.830	2.585.000.000	-	26.457.012.830	26.457.012.830
- Vay dài hạn cá nhân	18.708.987.640	18.708.987.640	-	-	18.708.987.640	18.708.987.640
- Nợ thuê tài chính dài hạn	6.369.166.215	6.369.166.215	-	2.589.652.077	3.779.514.138	3.779.514.138
	151.915.273.494	151.915.273.494	2.585.000.000	10.748.991.692	143.751.281.802	143.751.281.802
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	-	-	-	-
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	151.915.273.494	151.915.273.494			143.751.281.802	143.751.281.802

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Thông tin liên quan đến khoản nợ thuê tài chính:

Khoản nợ thuê tài chính theo Hợp đồng số 2018-00238-000 ngày 21/12/2018 ký với bên cho thuê là Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam, với các thông tin chi tiết sau:

- Tổng giá trị nợ gốc là: 11.367.766.000 đồng;
- Tài sản thuê: Máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh bao gồm: Máy làm bánh quy, máy làm Cookies, máy ép lương khô, máy sản xuất bánh mỳ, lò nướng quay;
- Thời hạn thuê: 48 tháng;
- Lãi suất: 7,76%/năm;
- Số dư nợ gốc còn phải trả cuối kỳ là 1.318.445.858 đồng (trong đó, nợ gốc phải trả trong 12 tháng tới là 1.318.445.858 đồng).

Khoản nợ thuê tài chính theo Hợp đồng số 2019-0034-000 ngày 24/03/2019 ký với bên cho thuê là Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam, với các thông tin chi tiết sau:

- Tổng giá trị nợ gốc là: 10.071.582.000 đồng;
- Tài sản thuê: Máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh bao gồm: Máy sản xuất Cookies, dây chuyền nạp liệu và đóng gói bánh bông lan;
- Thời hạn thuê: 48 tháng;
- Lãi suất: 7,6%/năm;
- Số dư nợ gốc còn phải trả cuối kỳ là 2.461.068.280 đồng (trong đó, nợ gốc phải trả trong 12 tháng tới là: 1.271.206.209 đồng).

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

TT	Bên cho vay/hợp đồng	Hạn mức tín dụng (VND)	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 30/06/2022 (VND)	Hình thức đảm bảo tiền vay
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội						
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/144344/HĐTD ngày 30/07/2021	120.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	85.273.161.859	Tài sản đảm bảo (*)
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng						
	Hợp đồng tín dụng số 3272.21.065.29907.TD ngày 17 tháng 06 năm 2021	50.000.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thực phẩm của khách hàng	Từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 09/06/2022	Theo từng giấy nhận nợ	47.570.727.650	Tài sản đảm bảo (*)
3	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Long Biên						
	Hợp đồng tín dụng số 147/BN/2021/HĐTD ngày 6/8/2021	30.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng	Theo từng giấy nhận nợ	9.782.462.787	Tài sản đảm bảo (*)
	Tổng cộng					142.626.352.296	

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

TT	Bên cho vay/hợp đồng	Hạn mức tín dụng (VND)	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 30/06/2022 (VND)	Hình thức đảm bảo tiền vay
I	Vay dài hạn ngân hàng					56.851.983.194	
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng					668.258.960	
1.1	Hợp đồng cho vay số 33244.18.065.29907.TD ngày 21/09/2018	10.734.679.200	Thanh toán bù đắp 70% giá trị dây chuyền sản xuất bánh trung thu và manju	48 tháng	Lãi suất thả nổi	668.258.960	Tài sản đảm bảo (*)
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội					54.561.039.100	
2.1	Hợp đồng tín dụng số 02/2017/144344/HĐTD ngày 06/10/2017	35.267.000.000	Phát hành LC và thanh toán các chi phí đầu tư dây chuyền sản xuất bánh quy giòn, bánh quy cứng và bánh quy mềm	120 tháng	Lãi suất thả nổi	11.358.656.600	Tài sản đảm bảo (*)
2.2	Hợp đồng tín dụng số 02/2018/144344/HĐTD ngày 08/08/2018	70.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC	120 tháng	Lãi suất thả nổi	43.202.382.500	Tài sản đảm bảo (*)
3	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Long Biên					1.250.000.000	
3.1	Hợp đồng cho vay số 159LBN/2018/HĐCV ngày 16/11/2018	10.000.000.000	Bù đắp vốn cho Hợp đồng ngoại số 2018-0319-07/ GORRERI - HC ngày 09/02/2018	48 tháng	Lãi suất thả nổi	1.250.000.000	Tài sản đảm bảo (*)
4	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm					372.685.134	
4.1	Hợp đồng tín dụng số 810600049030 ngày 17/05/2021	473.000.000	Thanh toán chi phí mua xe oto TOYOTA HILUX	60 tháng	7,5%/năm áp dụng trong suốt thời hạn cho vay	372.685.134	Tài sản đảm bảo (*)
II	Công ty Cổ phần Pizen Việt Nam					20.000.000.000	
1	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 02/2018/HC-PICENZA ngày 01/12/2018	20.000.000.000	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng	0% trong 24 tháng đầu tiên, 12%/năm kể từ tháng thứ 25	20.000.000.000	Tín chấp
III	Tổng Công ty Mía đường I - CTCP					17.953.784.000	
1	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 01/2018/HC-SUGAR I	5.386.135.200	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng	0% trong 24 tháng đầu tiên, 12%/năm kể từ tháng thứ 25	5.386.135.200	Tín chấp
2	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 05/2018/HC-SUGAR I	39.999.996.000	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng	0% trong 24 tháng đầu tiên, 12%/năm kể từ tháng thứ 25	9.874.581.200	Tín chấp
3	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 05/2021/HC-VVKD ngày 31/10/2021	2.693.067.600	Bổ sung vốn kinh doanh	24 tháng	8%/năm trong suốt thời hạn vay	2.693.067.600	Tín chấp

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

TT	Bên cho vay/hợp đồng	Hạn mức tín dụng (VND)	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 30/06/2022 (VND)	Hình thức đảm bảo tiền vay
IV	Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư Tổng Công ty Mía đường I					26.457.012.830	
1	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 772/2019/HC-SUGAR I	19.200.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.	48 tháng	0% trong 24 tháng đầu tiên, 12%/năm kể từ tháng thứ 25	6.200.000.000	Tín chấp
2	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 05/2021/HC-VVKD ngày 31/12/2021	13.399.360.930	Bổ sung vốn kinh doanh	24 tháng	8%/năm trong suốt thời hạn vay	13.399.360.930	Tín chấp
3	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 06/2021/HC-VVKD ngày 31/12/2021	4.272.651.900	Mua máy móc thiết bị phát sinh tại nhà máy Hưng Yên	24 tháng	8%/năm trong suốt thời hạn vay	4.272.651.900	Tín chấp
4	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 01A/2022/HC-VVKD ngày 31/03/2022	2.585.000.000	Mua máy móc thiết bị phát sinh tại nhà máy Nghệ An	24 tháng	8,5%/năm trong suốt thời hạn vay	2.585.000.000	Tín chấp
V	Các khoản vay cá nhân					18.708.987.640	
1	Theo các hợp đồng vay cá nhân cụ thể	15.142.639.570	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng	0% trong 24 tháng đầu tiên, 12%/năm kể từ tháng thứ 25	18.708.987.640	Tín chấp

(*) Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố tại với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	122.295.340.000	25.863.334.000	3.448.146.918	59.497.490.262	8.360.175.011	219.464.486.191
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	4.660.407.891	4.660.407.891
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	604.445.861	(8.360.175.011)	(7.755.729.150)
Số dư cuối kỳ trước	122.295.340.000	25.863.334.000	3.448.146.918	60.101.936.123	4.660.407.891	216.369.164.932
Số dư đầu năm nay	122.295.340.000	25.863.334.000	3.448.146.918	60.101.936.123	9.088.277.065	220.797.034.106
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	4.892.614.021	4.892.614.021
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(9.088.277.065)	(9.088.277.065)
Số dư cuối kỳ này	122.295.340.000	25.863.334.000	3.448.146.918	60.101.936.123	4.892.614.021	216.601.371.062

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 426/NQ-HC-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	9.088.277.065
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3,64%	330.913.853
Chi trả cổ tức (bằng 7,16% vốn điều lệ)	96,36%	8.757.363.212

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	36,70%	44.884.460.000	36,70%	44.884.460.000
Ông Nguyễn Văn Hội	15,42%	18.855.930.000	15,42%	18.855.930.000
Bà Cao Thị Hồng Liên	10,71%	13.100.880.000	10,58%	12.939.360.000
Ông Cao Chiến Thắng	6,99%	8.550.000.000	6,99%	8.550.000.000
Ông Bùi Hải Hà	18,17%	22.222.220.000	18,17%	22.222.220.000
Các cổ đông khác	12,01%	14.681.850.000	12,14%	14.843.370.000
	100%	122.295.340.000	100%	122.295.340.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	122.295.340.000	122.295.340.000
- Vốn góp đầu kỳ	122.295.340.000	122.295.340.000
- Vốn góp cuối kỳ	122.295.340.000	122.295.340.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	266.642.910	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	8.757.363.212	7.337.720.400
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	8.757.363.212	7.337.720.400
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(251.942.819)	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(251.942.819)	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	8.772.063.303	7.337.720.400

d) Cổ phiếu

	30/06/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.229.534	12.229.534
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	12.229.534	12.229.534
- Cổ phiếu phổ thông	12.229.534	12.229.534
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.229.534	12.229.534
- Cổ phiếu phổ thông	12.229.534	12.229.534
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Quỹ công ty

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	60.101.936.123	60.101.936.123
	60.101.936.123	60.101.936.123

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty ký kết các hợp đồng thuê đất với Nhà nước để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Thông tin chi tiết về các lô đất thuê như sau:

Vị trí	Diện tích (m ²)	Thời gian thuê
	VND	VND
Số 15 phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	17.465,00	Đến năm 2023
Ngõ 622 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	1.794,60	Đến năm 2043
Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	54.645,00	Đến năm 2057
Xã Quỳnh Lộc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	50.000,00	Đến năm 2069

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2022	01/01/2022
- Đồng đô la Mỹ (USD)	165.954,45	104.350,42
- Đồng Euro (EUR)	2.175,28	2.175,28

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	344.682.945.621	282.968.505.401
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.045.014.668	3.096.469.178
	347.727.960.289	286.064.974.579
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	18.594.046.460	204.081.281

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	273.537.683	1.276.651.091
	273.537.683	1.276.651.091

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	304.765.829.363	232.332.639.163
	304.765.829.363	232.332.639.163
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	136.624.464.065	126.757.945.983

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	12.967.551	19.284.721
	12.967.551	19.284.721

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.367.784.822	8.636.829.061
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	361.063.699	367.195.790
	7.728.848.521	9.004.024.851

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.607.594	296.829.770
Chi phí nhân công	5.824.894.152	5.280.915.795
Chi phí khấu hao tài sản cố định	992.151.006	302.894.182
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.432.682.400	7.337.261.522
Chi phí khác bằng tiền	7.872.485.211	11.506.638.563
	17.146.820.363	24.724.539.832

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	650.530.985	262.020.580
Chi phí nhân công	5.935.758.971	6.384.418.773
Chi phí khấu hao tài sản cố định	917.709.082	839.779.610
Thuế, phí, lệ phí	2.334.552.384	2.194.667.956
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.021.126.279	1.845.805.370
Chi phí khác bằng tiền	1.080.617.539	1.528.237.009
	11.940.295.240	13.054.929.298

28 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Thu nhập khác	262.013.171	294.627.175
	262.013.171	294.627.175

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

29 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Các khoản bị phạt	-	160.592.376
Chi phí khác	31.845.749	-
	31.845.749	160.592.376

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.115.764.092	5.825.509.864
Thu nhập chịu thuế TNDN	6.115.764.092	5.825.509.864
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	1.223.150.071	1.165.101.973
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN các năm trước vào thuế TNDN phải nộp kỳ này	-	(7.642.070)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	2.508.970.772	1.158.621.575
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(2.508.970.772)	(918.582.856)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	1.223.150.071	1.397.498.622

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	4.892.614.021	4.660.407.891
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.892.614.021	4.660.407.891
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	12.229.534	12.229.534
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	400	381

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	289.185.684.722	191.004.998.737
Chi phí nhân công	27.172.879.057	28.498.046.697
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.515.994.803	13.997.158.121
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.431.402.964	14.819.747.536
Chi phí khác bằng tiền	11.436.845.134	16.437.293.986
	350.742.806.680	264.757.245.077

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.132.853.867	-	43.596.054.520	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	102.119.900.107	-	101.385.963.973	-
	130.252.753.974	-	144.982.018.493	-

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	286.377.634.098	292.019.270.439
Phải trả người bán, phải trả khác	127.763.334.763	100.387.025.706
Chi phí phải trả	8.539.681.086	17.635.415.547
	422.680.649.947	410.041.711.692

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2022				
Tiền	28.132.853.867	-	-	28.132.853.867
Phải thu khách hàng, phải thu khác	102.119.900.107	-	-	102.119.900.107
	130.252.753.974	-	-	130.252.753.974
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền	43.596.054.520	-	-	43.596.054.520
Phải thu khách hàng, phải thu khác	101.385.963.973	-	-	101.385.963.973
	144.982.018.493	-	-	144.982.018.493

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2022				
Vay và nợ	142.626.352.296	143.751.281.802	-	286.377.634.098
Phải trả người bán, phải trả khác	127.763.334.763	-	-	127.763.334.763
Chi phí phải trả	8.539.681.086	-	-	8.539.681.086
	278.929.368.145	143.751.281.802	-	422.680.649.947

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	140.103.996.945	151.915.273.494	-	292.019.270.439
Phải trả người bán, phải trả khác	100.387.025.706	-	-	100.387.025.706
Chi phí phải trả	17.635.415.547	-	-	17.635.415.547
	258.126.438.198	151.915.273.494	-	410.041.711.692

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	Cùng chủ tịch HĐQT
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	Chi nhánh của Tổng Công ty Mía đường I - CTCP
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	Cùng chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Tập đoàn Pickenza Việt Nam	Tổng Giám đốc là em ruột Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Bia rượu nước giải khát Viger	Đơn vị cùng Tổng Công ty
Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch HĐQT
Bà Cao Thị Hồng Liên	Vợ Chủ tịch HĐQT
Ông Bùi Hải Hà	Phó Tổng Giám đốc

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	18.594.046.460	204.081.281
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	-	62.501.561
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	214.446.329	71.115.720
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	18.379.600.131	70.464.000
Mua hàng hóa, vật tư	136.624.464.065	126.757.945.983
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	84.468.514.565	59.139.502.647
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	52.155.949.500	67.618.443.336
Vay trong kỳ	2.585.000.000	-
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	2.585.000.000	-
Chuyển tiền giao dịch	7.000.000.000	-
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	7.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu khách hàng	31.719.955.358	14.014.216.146
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	345.644.571	283.370.571
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	4.491.226.299	4.526.573.405
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	21.934.946.568	6.555.346.437
Công ty Cổ phần Bia rượu nước giải khát VIGER	4.948.137.920	2.648.925.733
Ứng trước cho nhà cung cấp	47.251.992.247	18.889.155.990
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	2.000.000.000	2.000.000.000
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	26.154.697.567	11.997.503.370
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	19.097.294.680	4.891.652.620
Vay	79.870.784.470	77.285.784.470
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	17.953.784.000	17.953.784.000
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	26.457.012.830	23.872.012.830
Công ty Cổ phần Tập đoàn Pidenza Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Hội	7.165.253.400	7.165.253.400
Ông Bùi Hải Hà	3.377.777.440	3.377.777.440
Bà Cao Thị Hồng Liên	4.916.956.800	4.916.956.800
Phải trả người bán ngắn hạn	47.172.773.062	20.344.109.647
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	31.043.378.918	4.550.929.232
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	6.975.187.620	15.793.180.415
Công ty Cổ phần Bia rượu nước giải khát VIGER	9.154.206.524	-
Phải trả khác	7.000.000.000	-
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	7.000.000.000	-

Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị trong kỳ như sau:

Tên thành viên ban điều hành	Mối quan hệ	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
		2022	2021
		VND	VND
Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	63.000.000	67.140.000
Bà Nguyễn Hồng Anh	Ủy viên HĐQT kiêm Phó tổng Giám đốc	222.000.000	191.679.925
Bà Trần Thị Lệ Châm	Ủy viên HĐQT kiêm Phó tổng Giám đốc	-	45.360.000
Ông Bùi Hồng Thái	Phó Tổng Giám đốc	-	64.020.389
Bà Hà Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc	-	167.206.114
Ông Bùi Hải Hà	Phó Tổng Giám đốc	180.000.000	159.048.433
Bà Hà Hồng Thúy	Phó Tổng Giám đốc	180.000.000	165.334.054
Bà Nguyễn Thị Hồng Phương	Phó Tổng Giám đốc	180.000.000	157.451.429

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KEO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

		
Phạm Ngọc Quang	Khúc Thị Minh Phương	Nguyễn Văn Hội
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2022

